

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước
của Công ty TNHH May Tùng Phương**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND, ngày 22/3/2018 của UBND tỉnh ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 55/GP-UBND ngày 27/3/2020 và Giấy phép điều chỉnh số 131/GP-UBND ngày 06/8/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 2885/QĐ-UBND ngày 22/7/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty TNHH May Tùng Phương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 758/TTr-STNMT ngày 10 tháng 8 năm 2020 về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty TNHH May Tùng Phương.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty TNHH May Tùng Phương, theo Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 55/GP-UBND ngày 27/3/2020 và Giấy phép điều chỉnh số 131/GP-UBND ngày 06/8/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh, với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Tổ chức, cá nhân nộp tiền: Công ty TNHH May Tùng Phương; địa chỉ: BT30, đường Chu Nguyên Lương, MBQH số 08/UB-CN, phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

2. Công trình khai thác, sử dụng nước: 01 giếng khai thác nước dưới đất nằm trong khuôn viên Nhà máy may xuất khẩu Tùng Phương tại thôn Hố Dăm, xã Xuân Phú, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa;

3. Mục đích sử dụng nước phải nộp tiền: Phục vụ sinh hoạt và hoạt động sản xuất của Nhà máy may xuất khẩu Tùng Phương thuộc công ty;

4. Giá tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước:

- $G_1 = 70.000$ đồng/ m^3 (với nước dưới đất dùng sản xuất phi nông nghiệp);

- $G_2 = 5.000$ đồng/ m^3 (đối với nước dưới đất dùng cho làm mát, tạo hơi);

5. Sản lượng tính tiền cấp quyền khai thác:

* Theo Giấy phép số 55/GP-UBND ngày 27/3/2020:

$$W_1 = 217 \text{ (ngày)} \times 45 \text{ (m}^3\text{/ngày, đêm)} \times 365/365 \text{ ngày} = 9.765 \text{ m}^3.$$

Thời gian tính tiền cấp quyền khai thác tính từ ngày 01/01/2020 (ngày bắt đầu vận hành khai thác) đến hết ngày 05/8/2020 (ngày hết hiệu lực giấy phép khai thác nước số 55/GP-UBND ngày 27/3/2020 của UBND tỉnh); chế độ khai thác trong năm 365/365 ngày;

* Theo Giấy phép số 131/GP-UBND ngày 06/8/2020:

- Sản lượng dùng cho mục đích làm mát, tạo hơi:

$$W_2 = 1.693 \text{ (ngày)} \times 2,5 \text{ (m}^3\text{/ngày, đêm)} \times 365/365 \text{ ngày} = 4.232,5 \text{ m}^3.$$

- Sản lượng dùng cho mục đích sinh hoạt, sản xuất:

$$W_3 = 1.693 \text{ (ngày)} \times 7,5 \text{ (m}^3\text{/ngày, đêm)} \times 365/365 \text{ ngày} = 12.697,5 \text{ m}^3.$$

Thời gian tính tiền cấp quyền khai thác tính từ ngày 06/8/2020 đến hết ngày 26/3/2025 (ngày hết hiệu lực giấy phép khai thác nước số 131/GP-UBND 06/8/2020 của UBND tỉnh); chế độ khai thác trong năm 365/365 ngày;

6. Hệ số điều chỉnh: $K = 1 + (0,3 + 0 + 0,1) = 1,4$;

7. Mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước:

- $M_1 = 1,5 \%$ (Mức thu khai thác nước dùng cho sản xuất phi nông nghiệp);

- $M_2 = 0,2 \%$ (Mức thu khai thác nước dùng cho làm mát, tạo hơi);

8. Tổng số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đơn vị phải nộp là:

* Theo Giấy phép số 55/GP-UBND ngày 27/3/2020:

- Số tiền phải nộp cho mục đích sản xuất phi nông nghiệp:

$$T_{GP55} = W_1 \times G_1 \times K \times M_1 = 9.765 \text{ m}^3 \times 70.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,4 \times 1,5\% = 14.354.550 \text{ đồng};$$

* Theo Giấy phép điều chỉnh số 131/GP-UBND ngày 06/8/2020:

- Số tiền phải nộp cho mục đích làm mát, tạo hơi:

$$T_2 = W_2 \times G_2 \times K \times M_2 = 4.232,5 \text{ m}^3 \times 5.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,4 \times 0,2\% = 59.255 \text{ đồng};$$

- Số tiền phải nộp cho mục đích sinh hoạt, sản xuất:

$$T_3 = W_3 \times G_1 \times K \times M_1 = 12.697,5 \text{ m}^3 \times 70.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,4 \times 1,5\% = 18.665.325 \text{ đồng};$$

Số tiền phải nộp theo Giấy phép điều chỉnh số 131/GP-UBND ngày 06/8/2020:

$$T_{GP131} = T_2 + T_3 = 18.724.580 \text{ đồng};$$

* Tổng số tiền cấp quyền khai thác nước phải nộp:

$$T = T_{GP55} + T_{GP131} = 33.079.130 \text{ đồng}$$

(Bằng chữ: Ba mươi ba triệu không trăm bảy mươi chín nghìn một trăm ba mươi đồng);

9. Phương án nộp tiền: Nộp theo năm và phân ra từng năm như sau:

- Số tiền phải nộp năm đầu tiên (2020): 15.991.430 đồng;
- Số tiền phải nộp hằng năm tiếp theo (2021-2024): 4.036.900 đồng;
- Số tiền phải nộp năm cuối cùng (2025) (tính đến hết ngày 26/3/2025): 940.100 đồng.

10. Số tiền, thời gian, địa điểm nộp tiền: Thực hiện theo Thông báo của Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa;

11. Trường hợp có vướng mắc, Công ty TNHH May Tùng Phương liên hệ với Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa để được hướng dẫn, giải quyết kịp thời.

Điều 2. Căn cứ nội dung Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành của Nhà nước, các đơn vị có trách nhiệm:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

Hàng năm, tổng hợp kết quả phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, báo cáo UBND tỉnh và Cục Quản lý tài nguyên nước, Bộ Tài nguyên và Môi trường (trước ngày 15 tháng 12); đồng thời chủ trì, phối hợp với Cục Thuế tỉnh, Sở Tài chính và các ngành, đơn vị liên quan kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về tính, thu, nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định.

2. Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa có trách nhiệm :

- Ban hành thông báo đến Công ty TNHH May Tùng Phương về số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước phải nộp ngân sách Nhà nước năm 2020 chậm nhất là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định này;

- Ban hành các thông báo nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, tiền chậm nộp, tiền phạt theo quy định của pháp luật về quản lý thuế do quá thời hạn ghi trên thông báo (nếu có) và gửi Công ty TNHH May Tùng Phương; tổng hợp, hạch toán, báo cáo số thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo chế độ hiện hành;

- Định kỳ hàng năm (trước ngày 15 tháng 12) tổng hợp kết quả thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa gửi Sở Tài chính và Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

3. Công ty TNHH May Tùng Phương có trách nhiệm:

- Nộp số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước vào ngân sách Nhà nước đúng thời hạn theo thông báo của Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa;

- Sau khi nhận được giấy chứng nhận đã nộp tiền vào ngân sách nhà nước, Công ty TNHH May Tùng Phương gửi 01 bản sao có chứng thực về Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa để theo dõi;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực của việc kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; trường hợp phát hiện kê khai không trung thực dẫn đến giảm số tiền phải nộp thì sẽ bị truy thu và xử lý theo quy định của pháp luật;

- Nếu phát sinh các trường hợp phải điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước quy định tại Khoản 1, Điều 12, Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, Công ty TNHH May Tùng Phương phải lập ngay hồ sơ điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định.

4. UBND huyện Thọ Xuân; UBND xã Xuân Phú, huyện Thọ Xuân thực hiện công tác quản lý nhà nước về tài nguyên nước trên địa bàn theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2885/QĐ-UBND ngày 22/7/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty TNHH May Tùng Phương.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND huyện Thọ Xuân; Chủ tịch UBND xã Xuân Phú, huyện Thọ Xuân; Giám đốc Công ty TNHH May Tùng Phương; Thủ trưởng các ngành và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
 - Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
 - PCT TT Nguyễn Đức Quyền;
 - Trung tâm hành chính công tỉnh;
 - Lưu: VT, NN, KTTC (HYT).
- QDKP 20-234

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Thi